

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2025/HS-PT
Ngày 15 - 12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung
Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 208/2025/TLPT-HS, ngày 11 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ M, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST, ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11- tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Lệ M, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1982, nơi sinh tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; chồng tên Phạm Văn Đ, sinh năm 1977; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1984. Tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có liên quan nhưng do không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, từ ngày 16/9/2022 đến ngày 22/5/2023, bị cáo Nguyễn Thị Lệ M cho bà Lê Thúy Thùy L, sinh năm 1988, địa chỉ ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long) vay tiền 44 lần với tổng số tiền cho vay là 3.120.000.000 đồng và thu tiền lãi vay cao hơn mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Hình thức giao nhận tiền vay giữa bị cáo và bà L nhận tiền mặt (lần vay thứ nhất ngày 16/9/2022) và chuyển khoản (từ lần vay thứ hai ngày 17/9/2022 đến lần vay thứ 44 ngày 22/5/2023). Bà L trả tiền vay, tiền lãi vay bằng hình thức chuyển khoản cho bị cáo hoặc cần trừ vào số tiền thực nhận tại các lần vay sau. Quá trình vay tiền, ngoài việc thỏa thuận số tiền vay, hình thức vay, tiền lãi vay, bị cáo và bà L còn thỏa thuận số tiền “cà phê” mỗi lần vay. Bị cáo sử dụng số tài khoản cá nhân 070075657501 mở tại Ngân hàng S – Chi nhánh L chuyển số tiền thực nhận vào tài khoản số 73510000410988 của bà L mở tại Ngân hàng B – Chi nhánh T. Bị cáo cho bà L vay tiền và thu tiền lãi vay từng lần cụ thể như sau:

- **Lần 1:** Ngày 16/9/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, tiền lãi vay là 4.000.000 đồng/tháng (tương ứng mức lãi suất 240%/năm, cao gấp 12 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận 12 lần với tổng số tiền 48.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 44.000.000 đồng. Bà L chưa trả tiền gốc cho bị cáo (các bút lục 1213-1214).

- **Lần 2:** Ngày 17/9/2022, bị cáo cho bà L vay 5.000.000 đồng, kỳ hạn 12 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền là 32.877 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 967.123 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1215).

- **Lần 3:** Ngày 25/9/2022, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, kỳ hạn 12 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền là 65.753 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.934.247 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1216-1217).

- **Lần 4:** Ngày 26/9/2022, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, kỳ hạn 12 ngày, lãi suất 608,333%/năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền là 65.753 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.934.247 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1218-1219).

- **Lần 5:** Ngày 06/10/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 12 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 131.507 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền là 3.868.493 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1220).

- **Lần 6:** Ngày 12/10/2022, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 54.795 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.945.205 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1221).

- **Lần 7:** Ngày 16/10/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 109.589 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.890.411 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1222-1223).

- **Lần 8:** Ngày 20/10/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L đã trả tiền lãi vay cho bị cáo nhận số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền là 109.589 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.890.411 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1224-1225).

- **Lần 9:** Ngày 26/10/2022, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 54.795 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.945.205 đồng. Bà L trả thanh toán xong (bút lục 1226-1227).

- **Lần 10:** Ngày 31/10/2022, bị cáo cho bà L vay 15.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 3.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 82.192

đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 2.917.808 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1228-1229)

- **Lần 11:** Ngày 01/11/2022, bị cáo cho bà L vay 5.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 1.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 27.397 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 972.603 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1230-1231).

- **Lần 12:** Ngày 02/11/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 109.589 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.890.411 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1232-1233).

- **Lần 13:** Ngày 05/11/2022, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 54.795 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.945.205 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1234-1235).

- **Lần 14:** Ngày 10/11/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 109.589 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.890.411 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1236-1237).

- **Lần 15:** Ngày 12/11/2022, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 109.589 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.890.411 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1238-1239).

- **Lần 16:** Ngày 17/11/2022, bị cáo cho bà L vay 80.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 16.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 438.356 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 15.561.644 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1240).

- **Lần 17:** Ngày 23/11/2022, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được

phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.973 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (các bút lục 1241).

- **Lần 18:** Ngày 29/11/2022, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.983 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1242).

- **Lần 19:** Ngày 06/12/2022, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.973 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1243).

- **Lần 20:** Ngày 09/12/2022, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 54.795 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.945.205 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1244-1245).

- **Lần 21:** Ngày 11/12/2022, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.973 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1246-1247).

- **Lần 22:** Ngày 12/12/2022, bị cáo cho bà L vay 40.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 8.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 219.178 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 7.780.822 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1248).

- **Lần 23:** Ngày 16/12/2022, bị cáo cho bà L vay 100.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 20.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 547.945 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 19.452.055 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1249).

- **Lần 24:** Ngày 23/12/2022, bị cáo cho bà L vay 100.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy

định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 20.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 547.945 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 19.452.055 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1250).

- **Lần 25:** Ngày 28/12/2022, bị cáo cho bà L vay 25.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 5.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 136.986 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 4.863.014 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1251).

- **Lần 26:** Ngày 01/01/2023, bị cáo cho bà L vay 100.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 20.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 547.945 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 19.452.055 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1252).

- **Lần 27:** Ngày 03/01/2023, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L đã trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.973 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1253).

- **Lần 28:** Ngày 06/01/2023, bị cáo cho bà L vay 150.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 30.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 821.918 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 29.178.082 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1254).

- **Lần 29:** Ngày 07/01/2023, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.973 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1255).

- **Lần 30:** Ngày 12/01/2023, bị cáo cho bà L vay 150.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 30.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm, tương ứng số tiền 821.918 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 29.178.082 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1256-1257).

- **Lần 31:** Ngày 27/01/2023, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 273.973 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền là 9.726.027 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1258).

- **Lần 32:** Ngày 01/02/2023, bị cáo cho bà L vay 100.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 25.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 821.918 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 24.178.082 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1259).

- **Lần 33:** Ngày 07/02/2023, bị cáo cho bà L vay 150.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 486,667%/ năm (cao gấp 24,33 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 30.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 1.232.877 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 28.767.123 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1260).

- **Lần 34:** Ngày 11/02/2023, bị cáo cho bà L vay 40.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 8.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 219.178 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 7.780.822 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1261).

- **Lần 35:** Ngày 13/02/2023, bị cáo cho bà L vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 50.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 1.643.836 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 48.356.164 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1262-1263).

- **Lần 36:** Ngày 18/02/2023, bị cáo cho bà L vay 100.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 730%/ năm (cao gấp 36,5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 30.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 821.918 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 29.178.082 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1264 -1265).

- **Lần 37:** Ngày 21/02/2023, bị cáo cho bà L vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 50.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền

1.643.836 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 48.356.164 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1266-1267).

- **Lần 38:** Ngày 22/02/2023, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày (thời hạn góp xong là 17 ngày), lãi suất 644,118%/ năm (cao gấp 32,2 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 15.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 465.753 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 14.534.247 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1268-1269).

- **Lần 39:** Ngày 01/3/2023, bị cáo cho bà L vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 50.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 1.643.836 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 48.356.164 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1270-1271).

- **Lần 40:** Ngày 10/3/2023, bị cáo cho bà L vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 608,333%/ năm (cao gấp 30,42 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 50.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 1.643.836 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 48.356.164 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1270-1271).

- **Lần 41:** Ngày 12/3/2023, bị cáo cho bà L vay 100.000.000 đồng, kỳ hạn 10 ngày, lãi suất 912,5%/ năm (cao gấp 45,63 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 25.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 547.945 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 24.452.055 đồng. Bà L đã thanh toán xong (bút lục 1274).

- **Lần 42:** Ngày 20/3/2023, bị cáo cho bà L vay 360.000.000 đồng (ngày 20/3/2023 thỏa thuận vay 300.000.000 đồng, đến ngày 29/4/2023 thỏa thuận vay thêm 60.000.000 đồng), thời hạn vay 15 ngày nhưng thời gian trả lãi vay là 53 ngày, lãi suất 279,680%/ năm (cao gấp 13,98 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L đã trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 146.200.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 10.454.795 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền là 135.745.205 đồng. Bà L còn nợ bị cáo số tiền 96.400.000 đồng (các bút lục 1275-1279).

- **Lần 43:** Ngày 13/5/2023, bị cáo cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, kỳ hạn 15 ngày, lãi suất 438%/ năm (cao gấp 21,9 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 9.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 410.959 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 8.589.041 đồng. Bà L còn nợ bị cáo số tiền 12.300.000 đồng (bút lục 1280).

- **Lần 44:** Ngày 22/5/2023, bị cáo cho bà L vay 50.000.000 đồng thỏa thuận ban đầu là không tính lãi, thời hạn 02 ngày trả lại và số tiền bà L thực nhận khi vay là 30.000.000 đồng. Bị cáo đã cộng số tiền: 50.000.000 đồng (lần vay thứ 44) + 96.400.000 đồng (nợ tiền lần vay thứ 42) + 12.300.000 đồng (nợ tiền lần vay thứ 43) = 158.700.000 đồng để tính và thu tiền lãi đối với bà L. Bị cáo cho bà L vay với lãi suất 344,118%/năm (cao gấp 17,2 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự quy định). Bà L đã trả tiền lãi cho bị cáo nhận số tiền 272.310.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng số tiền 15.826.521 đồng, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 256.483.479 đồng. Bà L còn nợ bị cáo số tiền 31.500.000 đồng (các bút lục 1281-1288).

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Lệ M đã 44 lần thực hiện hành vi cho bà Lê Thúy Thùy L vay với tổng số tiền 3.120.000.000 đồng (Ba tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng) và thu số tiền lãi tổng cộng là 1.068.510.000 đồng. Trong đó số tiền lãi theo mức pháp luật cho phép (không vượt mức 20%/năm) số tiền là 48.549.809 đồng và số tiền lãi thu vượt mức quy định pháp luật cho phép (trên mức 20%/năm) số tiền là 1.019.960.191 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Lệ M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên (thể hiện qua các bút lục 620-639, 1210-1292, 1297-1306).

- *Về vật chứng và xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ bà Lê Thúy Thùy L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, mặt trước điện thoại màu đen, số sê-ri C6KZJ11QN72W, số IMEI 353982105165999, đã qua sử dụng và đã trả cho bà L nhận lại điện thoại di động này (bút lục 988-990, 1293-1295).

- Đối với ông M1 Y XA (thường gọi là N), ông Ứng Minh T và bà Đồng Thị Tuyết M: Quá trình trao đổi tin nhắn Z, bị cáo thể hiện đã nhận tiền từ ông N, ông T, bà M, sau đó cho bà L vay lại. Quá trình làm việc bị cáo trình bày số tiền cho vay là tiền cá nhân của bị cáo, mục đích bị cáo nhắn tin như trên là để bà L có trách nhiệm trả tiền vay, tiền lãi đúng hạn. Mặt khác ông N, ông T, bà M không biết bà L vay tiền của bị cáo và không đưa tiền cho bị cáo để cho người khác vay. Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông M Y X, ông Ứng Minh T và bà Đồng Thị Tuyết M là có căn cứ (thể hiện qua các bút lục 684-689).

- Đối với số tiền “cà phê” 452.000.000 đồng: Bị cáo và bà L xác định tiền cà phê không phải là tiền lãi vay, do bà L tự nguyện cho bị cáo số tiền này, bị cáo không ép buộc bà L phải đưa tiền “cà phê” khi vay tiền. Hiện tại, bà L không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền “cà phê” nên không xem xét giải quyết (bút lục: 619).

- Đối với số tiền thu lợi bất chính, bị cáo không sử dụng số tiền này để mua bất cứ tài sản gì, mà tiêu xài cá nhân hết nên không tiến hành thu giữ tài sản được.

- Đối với các tài sản là phương tiện giao thông, bất động sản và số dư tài khoản tại các Tổ chức tín dụng: Bị cáo không đứng tên phương tiện giao thông, bất động sản và số dư tài khoản tại các Tổ chức tín dụng không đáng kể nên không tiến hành kê biên, phong tỏa để đảm bảo việc khắc phục hậu quả (bút lục 682-683, 1137-1209)

- Đối với 04 biên nhận do bà L viết thể hiện có nợ bị cáo số tiền 340.000.000 đồng: Bị cáo trình bày số tiền 340.000.000 đồng này là nợ cá nhân của bà L đối với bị cáo, không liên quan đến 44 lần vay tiền nêu trên, yêu cầu nhận lại các biên nhận để khởi kiện bà L theo thủ tục dân sự. Bà L trình bày đây là số tiền nằm trong khoản tiền cho vay, quá trình cho vay bị cáo nói lấy tiền từ ông N, bà M, T để cho vay lại nên yêu cầu viết 04 biên nhận mượn tổng số tiền 340.000.000 đồng. Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo và bà L đối chất, kết quả cả hai vẫn giữ quan điểm. Xét thấy bà L trình bày số tiền này nằm trong khoản vay là có căn cứ, bởi lẽ trong các lần giao dịch chuyển khoản phát sinh phù hợp thời gian trong biên nhận, đồng thời trong các tin nhắn Zalo thể hiện bị cáo yêu cầu viết biên nhận trong quá trình cho vay tiền. Do đó, có đủ cơ sở xác định 04 biên nhận nêu trên có liên quan trong quá trình vay tiền 44 lần nêu trên, lời trình bày của bị cáo là không có cơ sở (các bút lục 66-69, 499-517, 628-630, 1123-1136).

Đối với ông Phạm Văn Đ là chồng của bị cáo. Việc bị cáo có hành vi cho vay lãi nặng ông Đ hoàn toàn không biết, không nhận lợi ích vật chất gì từ vụ án này, nên không đề cập xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14 /2025/HS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ M phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ M 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng các biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thúy Thùy L số tiền 1.019.960.191 đồng (*Một tỷ, không trăm mười chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm chín mươi một đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn chưa thi hành án.

3. Về xử lý tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ M nộp lại số tiền 2.959.800.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng*) và buộc bà Lê Thúy Thùy L nộp lại số tiền 160.200.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu, hai trăm nghìn đồng*) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về việc xét xử án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ M nộp lại số tiền lãi đã nhận 48.549.809 đồng (*Bốn mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm lẻ chín đồng*) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ M nộp án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/10/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 180/QĐ – VKS - P7, với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt theo hướng không áp hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo, đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo M.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thống nhất với bản án sơ thẩm đã tuyên nên không có kháng cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tội danh Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo hình phạt chính là 400.000.000 đồng là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, hơn nữa

ngoài hình phạt ra cấp sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền hơn 04 tỷ đồng, nếu tuyên phạt tiền bị cáo thì không mang tính khả thi trong thi hành bản án, trong khi hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có nghề nghiệp, không có tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sửa Bản án sơ thẩm số: 14 /2025/HS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11- tỉnh Vĩnh Long về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ M từ 06 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Lệ M cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Lệ M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị Lệ M cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp, bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí áp dụng Điều 136 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số:326/UB TVQH khóa 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ M nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét trình tự theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người

có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị Lệ M khai nhận: Trong thời gian từ ngày 16/9/2022 đến ngày 22/5/2023, bị cáo Nguyễn Thị Lệ M đã có hành vi cho bà Lê Thúy Thùy L vay tiền 44 lần, tổng số tiền gốc cho vay là 3.120.000.000 đồng, lãi suất cao nhất gấp 45,63 lần và lãi suất thấp nhất cao gấp 13,98 lần mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định để thu lợi bất chính số tiền 1.019.960.191 đồng. Do đó, đã đủ cơ sở để xác định Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Thị Lệ M phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị sửa án sơ thẩm không áp dụng hình phạt chính phạt tiền và áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Nhận thấy, khi áp dụng hình phạt tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tính chất vụ án, nhân thân của bị cáo và áp dụng cho bị cáo đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội không mang tính chuyên nghiệp cho vay, không có thực hiện băng nhóm đòi nợ, từ đó xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền 400.000.000đ là phù hợp với hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, sau khi xét xử bị cáo chấp nhận với án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, do đó kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên đề chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do xét xử phúc thẩm theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS – ST, ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm khoản n,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử : Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ M 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) nộp sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí áp dụng Điều 136 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH khóa 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long (2b);
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 11 – Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Tân An, Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (6b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành